

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng	
			Đơn giá	Số lượng
1	2	3	4	5
<b>Hôm trước chuyển sang</b>				
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20000	270
<b>Được chi trong ngày</b>				
<b>Đã chi trong ngày</b>				
<b>1. Dịch vụ</b>				
1	chất đốt		1000	270
<b>2. Kho</b>				
<b>Ăn chính</b>				
1	Gạo tẻ	Kg	15500	24,7
2	Nước mắm cá loại I	Chai	74000	0,5
3	Bột canh	Gói	4000	4
4	Dầu simply	Lít	68000	6
5	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62000	0,51
<b>3. Đi chợ</b>				
<b>Ăn chính</b>				
1	Đậu xanh	Kg	50000	2
2	Cà chua	Kg	15000	3
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25000	3
4	Bắp cải	Kg	10000	12
5	Hành củ tươi	Kg	35000	0,2
6	Rau mùi tàu	Kg	1000	0,48
7	Rau mồng tơi	Kg	15000	4
8	Thịt bò loại I	Kg	240000	9
9	Thịt gà ta	Kg	130000	5
10	Tôm biển	Kg	170000	2
11	Đậu Phụ	Kg	25000	10
12	Hành lá	Kg	35000	1
13	Thịt lợn nạc	Kg	130000	2
14	Sữa ông thọ hộp	Hộp	30000	4
15	Gia vị bò kho sốt vang	Gói	7000	4
16	Gừng tươi	Kg	40000	0,1
17	Lá chanh	Kg	1000	0,05
<b>Chênh lệch cuối ngày</b>				

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo



<b>Thành tiền</b>
<b>6</b>
0
540000
540000
540000
<b>27000</b>
27000
<b>875470</b>
<b>875470</b>
382850
37000
16000
408000
31620
<b>4254530</b>
<b>4254530</b>
100000
45000
75000
120000
7000
480
60000
2160000
650000
340000
250000
35000
260000
120000
28000
4000
50
0